TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109/2019/QĐST-HNGĐ	*Phong Điền, ngày 04 tháng 10 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213,khoản 4 điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Trương Thị Bảo T, sinh ngày: 03/6/1995;

2. Anh Nguyễn P, sinh ngày: 04/5/1992;

Đều trú tại: Thôn S, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 10/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoản 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị T và mẹ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa trong khi anh P đi làm ăn xa nên mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Tình cảm vợ chồng ngày càng sứt mẻ nghiêm trọng. Hiện nay, hai anh chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc nên cả hai thỏa thuận với nhau thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

[2] Về con chung: Anh P và chị T thừa nhận có 01 người con chung là Nguyễn Gia K, sinh ngày: 11/6/2019.

Hai anh chị thỏa thuận: Giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai anh chị thỏa thuận anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đồng (hai triệu đồng), kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thừa nhận không có.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Bảo T tự nguyện chịu 300.000đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai thu tiền số 008505 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Trâm đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Bảo T và anh Nguyễn P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày: 11/6/2019 cho chị Trương Thị Bảo T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn P cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia K mỗi tháng là 2.000.000đồng (hai triệu đồng), kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản cấp dưỡng nuôi con, nếu anh P không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thừa nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Bảo T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền lệ phí công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 008505 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Phong Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án;
Án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đạt